TAND TỈNH KIÊN GIANG **TAND HUYỆN CHÂU THÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **159**/2017/QĐST-HNGĐ

Châu Thành, ngày 14 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 210/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị N,** sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã GT, huyện CT, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp Ấp TĐ, xã GT, huyện CT, tỉnh KG.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 210/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự tự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Thị N,** sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp TĐ, xã GT, huyện CT, tỉnh KG và anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp TĐ, xã GT, huyện CT, tỉnh KG.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Thị N và anh Lê Thanh T đều thống nhất thuận tình ly hôn;

- *Về việc nuôi con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của Chị Thị N và anh Lê Thanh T là anh T đồng ý giao 01 người con chung tên: tên Lê Bách H, sinh

ngày 29/01/2012 cho chị N tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh Tòng phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Chị Thị N và anh Lê Thanh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về nợ chung vợ chồng:* Chị Thị N và anh Lê Thanh T xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Do hòa giải thành nên chị Thị N và anh Lê Thanh T mỗi người phải nộp 75.000 đồng tiền án phí thuận tình ly hôn, chị N đồng ý nộp thay cho anh T số tiền án phí là 75.000 đồng. Tổng cộng các khoản án phí mà chị N nộp là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo biên lai thu tiền số 0009823 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh KG. Chị N được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Mai Tấn Đẩu